TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 03-Ban QLDA Khe Chàm II-IV

Tháng 3 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**181**		**113.238.000**	**7**	**2.280.654**	**2**	**651.615**	**1.740.000**	**117.910.269**	**5.225.100**	**980.100**	**653.700**	**1.179.100**	**495.000**		**8.533.000**	**109.377.269**	
1	HL-00089	Đào Ngọc Thắng	Phó Giám đốc Ban DA	7.302.000	21	A	14.904.000						14.904.000	584.200	109.600	73.100	149.000	55.000		970.900	13.933.100	
2	HL-06468	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Giám đốc Ban DA	5.878.000	21	A	14.904.000						14.904.000	470.300	88.200	58.800	149.000	55.000		821.300	14.082.700	
3	HL-03759	Ngô Văn Hải	Trưởng phòng Kỹ thuật ban	8.095.000	21	A	13.851.000						13.851.000	647.700	121.500	81.000	138.500	55.000		1.043.700	12.807.300	
4	HL-00076	Phan Văn Nghiêm	Trưởng phòng Kỹ thuật ban	8.471.000	21	A	13.851.000						13.851.000	677.700	127.100	84.800	138.500	55.000		1.083.100	12.767.900	
5	HL-00118	Trần Văn Chấp	Trưởng phòng Nghiệp vụ	8.471.000	13	A	12.474.000	7	2.280.654	2	651.615		15.406.269	677.700	127.100	84.800	154.100	55.000		1.098.700	14.307.569	
6	HL-03534	Vi Huy Tùng	Phó phòng ban	6.698.000	21	A	11.097.000						11.097.000	535.900	100.500	67.000	111.000	55.000		869.400	10.227.600	
7	HL-04920	Nguyễn Hữu Sơn	Phó phòng ban	6.400.000	21	A	11.097.000						11.097.000	512.100	96.100	64.100	111.000	55.000		838.300	10.258.700	
8	HL-00156	Nguyễn Đình Khương	Phó phòng ban	6.400.000	21	A	11.097.000					870.000	11.967.000	512.100	96.100	64.100	119.700	55.000		847.000	11.120.000	
9	HL-00092	Nguyễn Tiến Dũng	Phó phòng ban	7.592.000	21	A	9.963.000					870.000	10.833.000	607.400	113.900	76.000	108.300	55.000		960.600	9.872.400	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**450**		**176.846.200**			**2**	**416.231**	**870.000**	**178.132.431**	**9.200.100**	**1.725.900**	**1.151.000**	**1.781.800**	**1.210.000**	**582.000**	**15.650.800**	**162.481.631**	
10	HL-06689	Vũ Công Thành Thái	Chuyên viên	4.675.000	4	A	1.260.000						1.260.000				12.600	55.000		67.600	1.192.400	
11	HL-06666	Nguyễn Tiến Chỉnh	Chuyên viên	5.154.000	21	A	8.197.000						8.197.000	412.400	77.400	51.600	82.000	55.000		678.400	7.518.600	
12	HL-05813	Lưu Mạnh Tuấn	Chuyên viên	4.908.000	21	A	8.197.000						8.197.000	392.700	73.700	49.100	82.000	55.000		652.500	7.544.500	
13	HL-02830	Nguyễn Văn Hải	Chuyên viên	7.158.000	21	A	8.197.000						8.197.000	572.700	107.400	71.600	82.000	55.000		888.700	7.308.300	
14	HL-05486	Tô Long Vương	Chuyên viên	4.908.000	21	A	8.197.000						8.197.000	392.700	73.700	49.100	82.000	55.000		652.500	7.544.500	
15	HL-00147	Trần Đức Mạnh	Chuyên viên	5.411.000	22	A	9.836.400						9.836.400	432.900	81.200	54.200	98.400	55.000		721.700	9.114.700	
16	HL-02132	Trần Xuân Du	Chuyên viên	5.682.000	22	A	8.197.000						8.197.000	454.600	85.300	56.900	82.000	55.000		733.800	7.463.200	
17	HL-03607	Trần Văn Vui	Chuyên viên	5.154.000	22	A	9.836.400						9.836.400	412.400	77.400	51.600	98.400	55.000	291.000	985.800	8.850.600	
18	HL-04590	Phạm Quý Mạnh	Chuyên viên	5.966.000	22	A	9.836.400						9.836.400	477.300	89.500	59.700	98.400	55.000		779.900	9.056.500	
19	HL-04772	Nguyễn Quang Hội	Chuyên viên	4.908.000	21	A	9.836.400						9.836.400	392.700	73.700	49.100	98.400	55.000		668.900	9.167.500	
20	HL-01893	Đào Văn Hùng	Chuyên viên	5.966.000	21	A	8.197.000						8.197.000	477.300	89.500	59.700	82.000	55.000		763.500	7.433.500	
21	HL-00157	Đoàn Xuân Hòa	Chuyên viên	5.411.000	22	A	8.197.000						8.197.000	432.900	81.200	54.200	82.000	55.000		705.300	7.491.700	
22	HL-00055	Nguyễn Quốc Điệp	Chuyên viên	5.682.000	22	A	8.197.000						8.197.000	454.600	85.300	56.900	82.000	55.000	291.000	1.024.800	7.172.200	
23	HL-00093	Hà Duy Minh	Chuyên viên	5.154.000	21	A	8.197.000						8.197.000	412.400	77.400	51.600	82.000	55.000		678.400	7.518.600	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
24	HL-00885	Phạm Châu Ninh	Chuyên viên	5.154.000	21	A	7.618.000						7.618.000	412.400	77.400	51.600	76.200	55.000		672.600	6.945.400	
25	HL-00151	Lương Xuân Lương	Chuyên viên	5.966.000	21	A	7.618.000						7.618.000	477.300	89.500	59.700	76.200	55.000		757.700	6.860.300	
26	HL-02734	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chuyên viên	4.745.000	21	A	7.618.000						7.618.000	379.700	71.200	47.500	76.200	55.000		629.600	6.988.400	
27	HL-00306	Nguyễn Thị Thanh Loan	Chuyên viên	5.966.000	21	A	7.618.000						7.618.000	477.300	89.500	59.700	76.200	55.000		757.700	6.860.300	
28	HL-05058	Đinh Xuân Quảng	Chuyên viên	5.966.000	21	A	7.618.000						7.618.000	477.300	89.500	59.700	76.200	55.000		757.700	6.860.300	
29	HL-00854	Nguyễn Thị Thu Hương	Chuyên viên	5.411.000	20	A	7.618.000			2	416.231	870.000	8.904.231	432.900	81.200	54.200	89.000	55.000		712.300	8.191.931	
30	HL-00729	Nguyễn Hồng Phương	Chuyên viên	5.411.000	21	A	9.141.600						9.141.600	432.900	81.200	54.200	91.400	55.000		714.700	8.426.900	
31	HL-00138	Phạm Thanh Minh	Chuyên viên	4.908.000	21	A	7.618.000						7.618.000	392.700	73.700	49.100	76.200	55.000		646.700	6.971.300	
3	**19**	**Tổ tạp vụ hành chính**			**42**		**8.748.000**						**8.748.000**	**825.600**	**154.800**	**103.300**	**87.400**	**110.000**		**1.281.100**	**7.466.900**	
32	HL-02732	Nguyễn Thị Lường	Nhân viên	5.493.000	21	A	4.374.000						4.374.000	439.500	82.400	55.000	43.700	55.000		675.600	3.698.400	
33	HL-04848	Đoàn Thị Nga	Nhân viên	4.825.000	21	A	4.374.000						4.374.000	386.100	72.400	48.300	43.700	55.000		605.500	3.768.500	
Tổng cộng					**673**		**298.832.200**	**7**	**2.280.654**	**4**	**1.067.846**	**2.610.000**	**304.790.700**	**15.250.800**	**2.860.800**	**1.908.000**	**3.048.300**	**1.815.000**	**582.000**	**25.464.900**	**279.325.800**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**